

BỘ Y TẾ
VIỆN KIỂM NGHIỆM
AN TOÀN VỆ SINH
THỰC PHẨM QUỐC GIA
Số: 381 /VKNQG-ĐBCL
v/v mời tham gia chương trình
TNTT tháng 9 ÷ 10 năm 2021

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 19 tháng 7 năm 2021

Kính gửi: Quý phòng thử nghiệm

Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia (sau đây gọi là Viện) đã tổ chức nhiều chương trình thử nghiệm thành thạo (TNTT) từ năm 2010 và đã được Hiệp hội công nhận phòng thử nghiệm Hoa Kỳ (A2LA) công nhận năng lực phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17043:2010 với số công nhận 4254.01 ngày 06/7/2021.

Kết quả TNTT là bằng chứng thuyết phục thể hiện năng lực của phòng thử nghiệm (PTN) khi tham gia các chương trình do nhà cung cấp TNTT có năng lực phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17043:2010. Nhằm hỗ trợ các PTN có cơ hội đánh giá năng lực, độ chính xác và tin cậy của các kết quả thử nghiệm, Viện có kế hoạch tổ chức các chương trình thử nghiệm thành thạo tháng 9 ÷ 10 năm 2021 với các thông tin sau:

1. Lĩnh vực tổ chức: Hóa (*Phụ lục kèm theo*)
2. Phương pháp thử nghiệm: Mẫu TNTT được phân tích như mẫu thông thường, các PTN tham gia có thể tự lựa chọn phương pháp thử thích hợp.
3. Thời gian dự kiến:
 - Gửi mẫu: Tháng 9/2021 (BTC sẽ gọi điện hoặc gửi email thông báo thời gian gửi mẫu chính xác để các PTN được biết và chuẩn bị trước 1 ÷ 2 ngày).
 - Báo cáo sơ bộ phát hành sau thời hạn trả kết quả của các PTN từ 2 ÷ 4 tuần.
 - Báo cáo kết thúc phát hành sau thời điểm ban hành báo cáo sơ bộ từ 1 ÷ 2 tháng.
4. Đánh giá: Theo ISO 13528:2015 (bản sửa đổi 2016) và các phân tích thống kê thích hợp.
5. Bảo mật: Ban tổ chức cam kết bảo mật tên và mã số PTN. Ngoài ban tổ chức, không có bên thứ ba nào biết mã số và số liệu của các PTN tham gia, trừ khi có sự đồng ý bằng văn bản của PTN hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
6. Chi phí: Chi tiết tại phụ lục kèm theo.
7. Đăng ký: Các PTN đăng ký theo biểu mẫu đính kèm và gửi cho ban tổ chức bằng email, fax, bưu điện...trước ngày 15/8/2021.
8. Ngoài ra, PTN có thể tham khảo thêm kế hoạch tổ chức chương trình TNTT và các thông tin khác có liên quan tại website: www.nifc.gov.vn. Trong trường hợp PTN có yêu cầu tổ chức các chương trình TNTT khác so với kế hoạch, vui lòng cung cấp cụ thể thông tin (chỉ tiêu, nền mẫu...) để Viện xem xét lập kế hoạch TNTT bổ sung.

Rất mong nhận được sự hợp tác của quý PTN.

Xin trân trọng cảm ơn./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- PVT Trần Cao Sơn (để biết);
- Lưu: VT, ĐBCL.



Lê Thị Hồng Hảo



PHỤ LỤC

(Kèm theo Công văn số 381/VKNQG-ĐBCL ngày 16 tháng 7 năm 2021)

STT	Nền mẫu	Mã chương trình	Chỉ tiêu phân tích	Phí tham gia (VNĐ)
1.	Thực phẩm (sữa đậu nành)	H21.30	pH, Chất khô tổng số, Tro tổng, Chất rắn hòa tan, Protein, Carbohydrate, Đường tổng số, Lipid, Canxi	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu
2.	Thực phẩm	H21.31	Chất tạo ngọt: Aspartam, Saccharin, cyclamat, Acesulfam kali	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu
3.	Thực phẩm	H21.32	Phẩm màu (Sunset, Tartrazine, Ponceu 4R)	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu
4.	Thịt và sản phẩm thịt	H21.33	Chloramphenicol	2,500,000
5.	Đường	H21.34	Độ Pol, Sự giảm khối lượng khi sấy ở 105 °C trong 3 h, Độ màu, Tro sulfat	1,500,000/chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu
6.	Mật ong	H21.35	Hàm lượng nước, Tổng hàm lượng Fructose và Glucose, Hàm lượng Sucrose, Hàm lượng chất rắn không tan trong nước	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu
7.	Rau quả	H21.36	HCBVTV Nhóm Carbamat: Aldicarb; Aldicarb sulfone; Aldicarb sulfoxide; Carbaryl; Carbofuran; Carbosulfan; Fenobucarb; Fenothiocarb; Isoprocarb; Methiocarb; Methomyl; Molinate; Pirimicarb; Oxamyl; Propoxur; Terbutcarb;	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 500,000/chỉ tiêu (Từ 10 chỉ tiêu trở lên thu 7,000,000)
8.	Thủy sản	H21.37	Kháng sinh nhóm Quinolones và Fluoroquinolones trong thực phẩm (Enrofloxacin, Ciprofloxacin, danofloxacin, sarafloxacin, difloxacin, norfloxacin, ofloxacin)	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 500,000/chỉ tiêu
9.	Thủy sản	H21.38	Malachite green	3,000,000



<i>STT</i>	<i>Nền mẫu</i>	<i>Mã chương trình</i>	<i>Chỉ tiêu phân tích</i>	<i>Phí tham gia (VNĐ)</i>
10.	Thủy sản	H21.39	Các chất chuyển hóa của Nitrofurán	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 500,000/chỉ tiêu
11.	Nước	H21.40	HCBVTV Nhóm Clo hữu cơ: Aldrin; alpha BHC; beta BHC; delta BHC; gamma BHC; Chlordane (cis); Chlordane (trans); DDD (2,4'); DDD (4,4'); DDE (2,4'); DDE (4,4'); DDT (2,4'); DDT (4,4'); Dicofol; Dieldrin; Endosulfan; Endosulfan-sulphate; Endrin; Heptachlor; Heptachlor epoxide; Hexachlorobenzene; Isodrin; Methoxychlor; Quintozene;	3,000,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 500,000/chỉ tiêu Tất cả các chỉ tiêu thu 7,000,000
12.	Sữa nước	H21.41	Chất khô, Protein, Lipid	1,500,000/chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 2 thu 200,000/chỉ tiêu
13.	Thức ăn chăn nuôi/ Nguyên liệu sản xuất thức ăn chăn nuôi	H21.42	Pb, Cd, As, Hg	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, từ chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu
14.	Bao bì nhựa tiếp xúc thực phẩm/ Bao bì nhựa tiếp xúc thực phẩm	H21.43	Thử thôi nhiễm cặn khô (dung dịch ngâm thôi: nước, ethanol 20 %, acid acetic 4 %, heptan)	2,500,000/2 chỉ tiêu đầu, chỉ tiêu thứ 3 thu 200,000/chỉ tiêu

